SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Thời gian ký: 2024-11-18T17:03:03+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 880 /KH-UBND	*Nghệ An, ngày 18 tháng 11 năm 2024*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về: Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi; phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi; đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ ngành chăn nuôi và Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phát triển bền vững ngành Ong trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030; số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030 và Quyết định số 898/QĐ-BNN-CN ngày 02/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả các Đề án của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm nâng cao năng lực sản xuất giống vật nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, chủ động cung cấp con giống có năng suất, chất lượng cao; phát huy tiềm năng sẵn có, tăng cường năng lực sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi trong nước bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và hạ giá thành sản phẩm, giảm tỷ trọng nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; nâng cao năng lực quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm bảo vệ môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải chăn nuôi; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển ngành chăn nuôi đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nước và hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi: phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Nghệ An chủ động sản xuất và cung cấp giống vật nuôi trên địa bàn tối thiểu: 70% nhu cầu giống lợn, 50% nhu cầu giống gia cầm, 60% nhu cầu giống bò thịt. Nhập khẩu các giống vật nuôi cấp cụ kỵ, ông bà, giống thuần có năng suất cao để làm tươi máu và cải tạo năng suất các giống vật nuôi hiện có.

- Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi: phấn đấu sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đạt 01 triệu tấn vào năm 2025 và 1,3 triệu tấn vào năm 2030, diện tích sản xuất thức ăn xanh đạt 60.000 ha năm 2025 và 80.000 ha năm 2030.

- Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi: phấn đấu đến năm 2030 chăn nuôi trang trại quy mô vừa và quy mô lớn với trang bị thiết bị hiện đại đạt 50%; trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm có chuồng kín đạt 60%.

- Ưu tiên đẩy mạnh hoạt động ứng dụng Khoa học và Công nghệ vào phát triển các lĩnh vực chăn nuôi, phấn đấu đến năm 2030 ứng dụng các công nghệ: sản xuất trang thiết bị chuồng trại, xử lý chất thải đáp ứng khoảng 50-60% nhu cầu đảm bảo an toàn dịch bệnh, hướng tới phát triển chăn nuôi bền vững.

- Phát triển bền vững ngành Ong: phát triển đàn ong nội, hướng đến năm 2030 phấn đấu và phát triển số lượng từ 60.000-65.000 đàn ong nội theo nguồn hoa, nguồn mật, đạt năng suất mật bình quân cả tỉnh trên 12 kg/đàn/năm (khoảng 5-7 cầu/tổ ong); tổng sản lượng mật ong ổn định khoảng 900 - 1.000 tấn/năm, trong đó xuất khẩu khoảng 10%.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ các nhiệm vụ, nội dung công việc, gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch; đảm bảo chủ động, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan theo lộ trình để đạt mục tiêu đề ra.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào các Chương trình, Kế hoạch, Đề án có liên quan tại các Sở, ban, ngành và các địa phương để đạt hiệu quả tốt nhất.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình cải tạo, nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, tập trung các đối tượng vật nuôi chủ lực của tỉnh; xây dựng các cơ sở, vùng sản xuất giống năng suất chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống vật nuôi, thử nghiệm, nhập nuôi các giống mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều

kiện của tỉnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, tổ chức bình tuyển, chọn lọc đàn giống trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu sản xuất chăn nuôi.

- Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi cho Viện, Trường, Trung tâm trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến giống theo hướng công nghiệp hiện đại.

2. Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, chế biến thực phẩm... làm thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao giá trị sử dụng và hiệu quả kinh tế.

- Chuyển đổi một phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp kém hiệu quả để sản xuất thức ăn thô xanh, tận dụng chế biến nguồn phụ phẩm nông nghiệp để làm thức ăn cho chăn nuôi nhằm hạ giá thành sản xuất.

3. Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi

- Áp dụng biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại tại các trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa; áp dụng các mô hình xử lý chất thải, xây dựng công trình khí sinh học các loại tại các hộ chăn nuôi ở mức tối đa.

- Lượng chất thải hữu cơ từ hoạt động chăn nuôi được thu gom, xử lý, tận dụng cho các mục đích khác nhau đạt mức cao nhất.

4. Đẩy mạnh hoạt động Khoa học và Công nghệ ngành chăn nuôi

Ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển các lĩnh vực như:

- Chọn tạo giống vật nuôi chủ lực kết hợp với dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi; khai thác, tận dụng hiệu quả nguồn phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản, thảo dược, nguồn thức ăn sẵn có... để chủ động nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

- Bảo tồn, khai thác và phát triển các giống vật nuôi bản địa, đặc sản.

- Chế biến các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng, sữa, mật ong và các sản phẩm giết mổ đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và hướng tới xuất khẩu.

5. Phát triển bền vững ngành Ong

Phát triển bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của ngành Ong, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nuôi ong nhằm nâng cao năng suất, chất lượng; tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, truy xuất được nguồn gốc. Tiến tới xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm mật ong Nghệ An.

III. CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

1. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện các Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các Đề án nêu trên.

2. Nhiệm vụ ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thông tin tuyên truyền

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung 05 Đề án đến chính quyền các địa phương, các ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030; số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030 và Quyết định số 898/QĐ-BNN-CN ngày 02/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chăn nuôi các quy định về Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn thực phẩm và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cơ chế chính sách

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số *106/2024/NĐ-CP* ngày 01/8/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, và các Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách mới phù hợp với định hướng phát triển chăn nuôi của tỉnh và của Trung ương.

3. Tổ chức sản xuất

3.1. Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình cải tạo, nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, thu hút đầu tư, xây dựng các cơ sở, vùng sản xuất giống vật nuôi năng suất chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên các giống vật nuôi đang được chăn nuôi trên địa bàn tỉnh còn hạn chế về khả năng sản xuất như giống bò, giống gia cầm.

- Khảo sát, điều tra, đánh giá thực trạng sử dụng giống vật nuôi (gồm giống vật nuôi chủ lực và giống vật nuôi bản địa) để làm cơ sở lai tạo, chọn lọc và phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng hàng hóa; bảo tồn, khai thác và phát triển hiệu quả con giống bản địa theo lợi thế, phù hợp với từng địa phương như: bò vàng, bò H'mông, vịt bầu quỳ, gà H'mông, lợn bản địa đặc sản.

- Rà soát, điều tra cơ cấu, hiện trạng phát triển đàn ong; tuyên truyền, hướng dẫn người dân nuôi ong thùng kế để tạo ra sản phẩm mật ong có chất lượng, giá trị kinh tế cao; khuyến khích và quy hoạch trồng các loại cây có nhiều hoa để tạo nguồn thức ăn chủ động nuôi ong cho chất lượng cao như: cây nhãn, vải, cao su...

3.2. Phát triển các loại thức ăn công nghiệp, thức ăn bổ sung, thức ăn truyền thống; chế biến các nguồn phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi

- Tiếp tục phát triển các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, trong thời gian tới kêu gọi, thu hút thêm một số nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại khu công nghiệp Nam Cấm, khu công nghiệp VSIP Nghệ An, phát huy tối đa công suất sản xuất của các nhà máy hiện có. Phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 15 nhà máy, sản lượng thức ăn công nghiệp 1,3 triệu tấn/năm.

- Phát triển trồng cỏ và cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; sử dụng tối đa diện tích đất bãi bồi, ven sông, chuyển đổi một phần diện tích đất trồng trọt, đất lâm nghiệp, đất vụ đông sang trồng cỏ, ngô sinh khối và cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Tổng diện tích đất cho yêu cầu này đến năm 2025 khoảng 60.000 ha và đến năm 2030 khoảng 80.000 ha. Áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật để sản xuất các loại cây trồng có năng suất, chất lượng phù hợp với các vùng, miền theo hướng công nghiệp hóa làm thức ăn chăn nuôi nhằm giảm giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh với nguyên liệu nhập khẩu đáp ứng một phần nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước.

- Ưu tiên, khuyến khích phát triển công nghiệp sản xuất các loại thức ăn công nghiệp, thức ăn truyền thống, thức ăn bổ sung và chế biến các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi.

3.3. Quản lý chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi

- Phát triển công nghệ chuồng trại, công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển của vật nuôi, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Áp dụng các biện pháp xử lý chất thải phù hợp để xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng, khí thải; xác vật nuôi và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về chăn nuôi - thú y, bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình chuyển hóa chất thải chăn nuôi: sản xuất phân bón hữu cơ, nuôi giun quế, sinh vật làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sinh thái chăn nuôi.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các nội dung tại Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường của các cơ sở chăn nuôi. Ưu tiên nguồn lực cho hoạt động quản lý môi trường trong nông nghiệp nói chung và chăn nuôi nói riêng.

3.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi

- Tăng cường năng lực, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, tổ chức bình tuyển, chọn lọc đàn giống trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu sản xuất chăn nuôi; loại thải kịp thời những đực giống, cái giống không đảm bảo chất lượng.

- Triển khai hằng năm chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi, thu gom, sơ chế, chế biến động vật theo phân cấp quản lý.

3.5. Ứng dụng khoa học công nghệ vào chăn nuôi

a) Chọn tạo giống vật nuôi chủ lực kết hợp với dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống vật nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng năng suất, chất lượng, sức khỏe vật nuôi cũng như nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống áp dụng công nghệ thông tin để quản lý dữ liệu giống vật nuôi quốc gia, kết nối liên thông giữa các cơ sở giống vật nuôi phục vụ công tác chọn lọc, nhân giống, sản xuất giống cho từng đối tượng vật nuôi.

- Ứng dụng quy trình khoa học, công nghệ trong: sản xuất thức ăn chăn nuôi,

thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi; xây dựng khẩu phần ăn; chế biến phụ phẩm nông nghiệp và thủy sản làm thức ăn và sản xuất thức ăn mới.

- Phát triển sản xuất nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bằng việc ứng dụng các công nghệ chế biến, bảo quản (ủ chua, lên men, sấy khô, thủy phân…) nâng cao giá trị dinh dưỡng, giá trị sử dụng nguồn phụ phẩm nông, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi như chế biến bã men bia, bã sắn, bã dứa, bã mía, phụ phẩm chế biến từ thủy sản, bột huyết, rơm, cỏ, thức ăn ủ chua…

- Ứng dụng công nghệ sinh học tạo sản phẩm thức ăn chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao; nâng cao chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

b) Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, phát triển chăn nuôi bền vững

- Ứng dụng các quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP, GlobalGAHP), chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học để nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

- Ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch trong việc xây dựng chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý chất thải chăn nuôi theo hướng phòng ngừa chủ động, khuyến khích các trang trại áp dụng tuần hoàn làm phân bón cho ngành trồng trọt.

c) Ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng và các sản phẩm giết mổ đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu

- Ứng dụng công nghệ mới trong chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng có nguồn gốc từ động vật trên cạn như thịt, trứng, sữa, mật ong và các sản phẩm phụ sau giết mổ nhằm đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm chăn nuôi. Cải tiến nâng cao chất lượng các sản phẩm chăn nuôi truyền thống.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất quản lý, truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

3.6. Xây dựng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn, liên kết chuỗi

- Ưu tiên xây dựng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi VietGAHP, GlobalGAHP, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh để các đàn vật nuôi khỏe mạnh, các sản phẩm chăn nuôi được kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc từ nguyên liệu đầu vào như giống, thức ăn, vật tư chăn nuôi đến khâu vận chuyển, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, liên kết theo chuỗi.

- Xây dựng các mô hình chăn nuôi đồng bộ và khép kín từ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về con giống, quy trình chăn nuôi, áp dụng công nghệ, thiết bị mới, hiện đại trong chăn nuôi; xử lý môi trường, giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái: trồng trọt - chăn nuôi, sử dụng sản phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi và sử dụng hiệu quả các phụ phẩm chăn nuôi, cung cấp phân hữu cơ cho trồng trọt.

3.7. Sử dụng đất

- Bố trí quỹ đất, quy hoạch vùng chăn nuôi để phát triển chăn nuôi đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ môi trường, Luật quy hoạch, Luật Đất đai. Ưu tiên giao đất, cho thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi, chợ đầu mối, trung tâm đấu giá vật nuôi.

- Đối với những khu vực đất dành cho phát triển chăn nuôi theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi, có chính sách cho những hộ có đất, không có nhu cầu chăn nuôi được phép chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng giá trị đất cho các hộ có nhu cầu chăn nuôi. Đối với các khu đất trũng, đất khác do cấp xã quản lý, đất trồng lúa, đất lâm nghiệp kém hiệu quả, nằm trong quy hoạch phát triển chăn nuôi, cũng cần có chính sách cho thuê lâu dài hơn để các hộ có thời gian đầu tư xây dựng trang trại và quay vòng vốn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng trang trại chăn nuôi, trồng cây thức ăn chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi.

3.8. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ cho công tác chỉ đạo phát triển chăn nuôi. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại để chuyển giao ứng dụng trong chăn nuôi.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong chăn nuôi về thiết kế chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

- Phối hợp với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu,... đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nghề trong hoạt động chăn nuôi, khuyến nông chăn nuôi. Tổ chức tham quan, học tập mô hình, kinh nghiệm ở các địa phương trong nước có ngành chăn nuôi phát triển.

4. Xúc tiến thương mại, thị trường, thu hút đầu tư

- Khuyến khích, thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết, đẩy mạnh chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi, xây dựng thương hiệu, có nhãn mác sản phẩm và tổ chức hoặc tham gia các hội chợ nhằm giới thiệu sản phẩm cấp vùng, liên vùng và cấp quốc gia.

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng mang nhãn mác, thương hiệu của tỉnh đến các nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng trong cả nước.

- Triển khai các hoạt động nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm, quảng bá hình ảnh, thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế, tiếp cận khách hàng và thị trường tiềm năng.

- Tiếp tục phát triển các thương hiệu sản phẩm như: gà Thanh Chương, dê Tân Kỳ, Vịt bầu quỳ, Giò me Nam Nghĩa,...

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng và du nhập các giống vật nuôi thuần để sản xuất giống bố mẹ đối với lợn, gia cầm đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Chăn nuôi nhằm sản xuất con giống có năng suất, chất lượng và đủ số lượng phục vụ cho ngành chăn nuôi.

V. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án giai đoạn 2025-2030.

- Kinh phí từ các tổ chức, cá nhân triển khai dự án.

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Đầu mối phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các dự án, nhiệm vụ ưu tiên của Bộ triển khai trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch này; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các dự án thuộc các Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổng hợp quyết toán theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, đặt hàng các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có liên quan đến phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh đến năm 2030.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong ngành chăn nuôi, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi, phát triển công nghệ chuồng trại và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tăng cường hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi chủ lực; hỗ trợ triển khai truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chăn nuôi, sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác sử dụng đất để phục vụ chăn nuôi, chế biến và giết mổ tập trung có hiệu quả; kiểm tra, kiểm soát việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi theo thẩm quyền. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chế độ chính sách giao đất, nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, đưa sản phẩm chăn nuôi có thương hiệu của Nghệ An lên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và các sàn uy tín trong, ngoài nước.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh và cơ quan truyền thông các huyện, thành phố, thị xã

thực hiện công tác tuyên truyền việc triển khai thực hiện Kế hoạch này đến người dân, doanh nghiệp để nắm bắt được định hướng chung của ngành chăn nuôi tỉnh nhà.

- Chỉ đạo Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng và định kỳ phát sóng các phóng sự, phim tài liệu tin bài về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Vinh

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung của 05 Đề án đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp, cập nhật các dữ liệu về chăn nuôi lên hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu chăn nuôi của tỉnh.

- Phối hợp điều tra, khảo sát, thu thập và nghiên cứu, phát triển các giống bản địa, đặc sản tại địa phương.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng giống vật nuôi đối với các cơ sản sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi trên địa bàn.

- Rà soát quỹ đất, bố trí quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thu hút các doanh nghiệp đầu tư cơ sở sản xuất giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi theo quy định và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch

- Chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách của nhà nước, địa phương. Tham gia tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác và liên kết phát triển theo chuỗi giá trị, từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến chăn nuôi, thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, để nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững.

- Chủ động phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh, các địa phương và các cơ quan liên quan để thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các Đề án về chăn nuôi của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, yêu cầu Giám đốc các Sở, ngành cấp tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các địa phương, đơn vị

gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT NN UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nghệ An;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PCVP KT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đệ

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số: 880 /KH-UBND ngày 18 /11/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
1	**Công tác thông tin, tuyên truyền**			
	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của 05 Quyết định đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chăn nuôi các quy định về Luật Chăn nuôi, Luật thú y, Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn thực phẩm và các văn bản có liên quan.	Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành, thị	Các cơ quan có liên quan	2025 - 2030
2	**Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi**			
2.1	- Khảo sát, điều tra sơ đồ tháp giống vật nuôi (cụ kỵ, ông bà, bố mẹ) để làm cơ sở nhân giống, phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng hàng hóa; - Cải tạo, nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, xây dựng các cơ sở, vùng sản xuất giống năng suất chất lượng cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
2.2	Xây dựng các mô hình, dự án ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống vật nuôi, thử nghiệm, nhập nuôi các giống mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	
2.3	- Khuyến khích, thu hút đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi cho Viện, Trường, Trung tâm trên địa bàn tỉnh.	Các Viện, Trường, Trung tâm trên địa bàn tỉnh	UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	
3	**Phát triển công nghiệp thức ăn chăn nuôi**			
	- Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sản xuất các loại thức ăn công nghiệp, thức ăn bổ sung, thức ăn truyền thống; - Xây dựng các mô hình thực hiện phối trộn các nguyên liệu thức ăn truyền thống, phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi. - Điều tra, đánh giá hiện trạng đất nông nghiệp, lâm nghiệp có khả năng chuyển đổi để mở rộng diện tích sản xuất nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
4	**Quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi**			
4.1	Tăng cường năng lực, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, xử phạt hành vi vi phạm theo quy định; kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
4.2	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các nội dung tại Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường của các cơ sở chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên môi trường	UBND các huyện, thành, thị; các đơn vị có liên quan	2025 - 2030
5	**Ứng dụng khoa học, công nghệ trong chăn nuôi**			
5.1	- Xây dựng các mô hình, dự án chọn tạo giống vật nuôi chủ lực kết hợp với dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi. - Xây dựng các mô hình khai thác, phát triển các giống vật nuôi bản địa, đặc sản. - Xây dựng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi liên kết.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
5.2	- Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp và tổ chức cá nhân nâng cấp, xây dựng chuồng trại và công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi. - Xây dựng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm kết hợp xử lý chất thải tuần hoàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
5.3	- Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng, sữa, mật ong và các sản phẩm giết mổ đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và hướng tới xuất khẩu. - Xây dựng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng chuyển đổi số.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
6	**Quy hoạch và thực hiện các chính sách về đất đai**			
6.1	- Bố trí quỹ đất, quy hoạch vùng chăn nuôi để phát triển chăn nuôi đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật quy hoạch; - Ưu tiên giao đất, cho thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi, chợ đầu mối.	UBND các huyện, thành, thị, các đơn vị có liên quan	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
6.2	Quy hoạch và chuyển đổi đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang thâm canh trồng cây thức ăn chăn nuôi nhằm chủ động nguồn thức ăn, tạo nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi phục vụ các cơ sở chế biến thức ăn, giảm giá thành sản xuất.	UBND các huyện, thành, thị, các đơn vị có liên quan	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
7	**Giải pháp về chính sách hỗ trợ đầu tư**			
-	Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh; Tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách mới phù hợp với định hướng phát triển chăn nuôi của Tỉnh và quy định của Trung ương.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030
8	**Phát triển nguồn nhân lực**			
8.1	Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ cho công tác chỉ đạo phát triển chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các huyện, thành, thị	2025 - 2030
8.2	Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong chăn nuôi về thiết kế chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi.			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN